Mẫu số 27-HS theo NQ số 05 ngày 19/9/2017 của HĐTP TANDTC

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ CHÂU** **NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41 /2020/HS-ST
Ngày 24 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Hoàng Đức và ông Lương Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Thị M**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 03 tháng 10 năm 1982 tại huyện QP, tỉnh NA.

Nơi cư trú: Bản T, xã QPh, huyện QP, tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 8/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vi Văn Th (tên gọi khác là Vi Trường S) đã chết và bà Vi Thị Th. Chồng: Lương Văn T và có 01con sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 11/3/2020 đến ngày 20/3/2020 và bị tạm giam từ ngày 20/3/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Tr**.

Trợ giúp viên. Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh NA. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Tr là người bào chữa cho các bị cáo Vi Thị M.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Chị **Lô Thị Đ** - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản T, xã QPh, huyện QP, tỉnh NA.

Vắng mặt.

(Chị Lô Thị Đ là người làm chứng trong vụ án).

- *Người phiên dịch*: Bà **Vi Thị Th**.

Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ xã QPh, huyện QP, tỉnh NA.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vi Thị M là đối tượng lao động tự do, vào sáng ngày 11/3/2020 M đi lên khu vực xã CT của huyện QP, tỉnh NA để tìm việc làm. Tại đây M gặp một người đàn ông lạ mặt, không quen biết, không rõ tên tuổi và địa chỉ. Qua nói chuyện người đó biết M đang đi tìm việc làm nên đặt vấn đề thuê M vận chuyển ma tuý xuống địa bàn xã CP, huyện QC giao cho một người đàn ông khác và hứa trả cho M 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền công thì M đồng ý. Sau khi thoả thuận xong, người đàn ông lạ mặt đó đưa cho M 02 gói, gồm 01 gói bọc bằng ny lon màu trắng và 01 gói bọc bằng ny lon màu đen. Vi Thị M biết trong 02 gói đó là ma tuý nhưng do cần tiền để trang trải cho cuộc sống gia đình nên đã nhận 02 gói ma tuý đó và cất dấu vào trong túi áo khoác đang mặc trên người, đồng thời hỏi tên, địa chỉ của người cần đưa ma tuý đến và xin ứng tiền trước thì người đàn ông đó không cho và nói "Cứ mang đến cầu bản B, xã CP, huyện QC sẽ có người nhận ma tuý và trả tiền công cho". Sau đó M không hỏi gì thêm mà mang số ma tuý đó đi về nhà. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Vi Thị M gọi điện rủ Lô Thị Đ là người cùng bản đi sang huyện TK để bóc vỏ keo thuê thì Đ đồng ý. Khi đi, M lấy 02 gói ma tuý nhận của người đàn ông lạ mặt lúc sáng dấu vào trong áo ngực bên trái rồi ngồi sau xe máy do Đ điều khiển đi theo đường QL48D để xuống xã CP, huyện QC. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe máy do Lô Thị Đ điều khiển đi đến khu vực điểm trường bản B, xã CP, huyện QC thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, thu của Vi Thị M 02 (hai) gói bên trong có nhiều cục chất bột màu trắng (nghi là Heroin) được bọc bên ngoài bằng ny lon màu trắng và đen.

Tại Cơ quan điều tra, Vi Thị M khai nhận bản thân đã nhận vận chuyển số ma tuý nói trên từ QP xuống QC giao cho người khác để lấy 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền công, nhưng chưa giao được thì bị bắt.

Ngày 12/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số vật chứng là 02 gói nghi là Heroin đã thu của Vi Thị M.

Kết luận giám định số 387/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 13/3/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - công an tỉnh NA kết luận: Cả 02 mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Vi Thị M gửi giám định đều là ma túy (Heroin) và có tổng khối lượng là 18,92 gram (mười tám phẩy chín mươi hai gram).

Trên cơ sở đó, Cáo trạng số 36/CT-VKS-HS ngày 22/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, tỉnh NA quyết định truy tố Vi Thị M ra trước Tòa án để xét xử về tội ''Vận chuyển trái phép chất ma túy'' theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 250 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn

giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 điều 250; điểm s khoản 1- khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS. Xử phạt Vi Thị M từ 09 năm đến 10 năm tù.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại là vật chứng trong vụ án; không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Tr là người bào chữa cho bị cáo Vi Thị M trình bày tại phiên Tòa: Nhất trí xác định hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, đã phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Nhưng cho rằng bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng hộ nghèo, sống ở vùng sâu vùng xa có hoàn cảnh rất khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; ngoài ra bố đẻ của bị cáo là ông Vi Văn Th (tên gọi khác là Vi Trường S) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế vẻ vang tại Cam Pu Chia và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Do đó đề nghị áp dụng quy định điểm h khoản 2 điều 250; điểm s khoản 1- khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS, xử phạt Vi Thị M từ 07 đến 08 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện QC, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Về cơ bản Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn này.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa đã xác định được bản thân bị cáo là đối tượng lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định. Ngày 11/3/2020 trong khi đi tìm việc làm thì gặp người đàn ông không quen biết, không rõ danh tính, địa chỉ. Qua chuyện trò, biết bị cáo đang cần tìm việc làm nên người đàn ông đó đã đặt vấn đề thuê bị cáo vận chuyển ma tuý từ QP xuống QC và sẽ trả tiền công cho. Mặc dầu biết ma tuý là hàng cấm nhưng vì cần tiền trang trải cho cuộc sống gia đình nên bị cáo đã nhận lời, đã nhận của người đó 02 gói ma tuý được bọc bên ngoài bằng ny lon và cất dấu trong người để đưa xuống QC theo thoả thuận. Trên đường từ huyện QP về huyện QC khi đi qua địa phận bản B, xã CP thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, bị thu giữ 02 gói ny lon bên trong chưa nhiều cục chất bột Heroin có tổng khối lượng 18,92 gram.

Quá trình xét xử tại phiên Tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu

trong Hồ sơ vụ án cũng như vật chứng được thu giữ đã được thẩm tra, xem xét. Có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: bị cáo Vi Thị M đã có hành vi *Vận chuyển trái phép chất ma túy*. Hành vi này đã hoàn thành và do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và các trách nhiệm khác liên quan tương ứng theo quy định của pháp luật. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện QC truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 250 BLHS là thỏa đáng và có cở sở.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, sinh ra trong gia đình có công với đất nước, được gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có nhận thức nhất định về pháp luật nhưng do hám lợi, không chịu khó làm ăn và không tuân thủ quy định của pháp luật nên đã dẫn đến vi phạm pháp luật; đó là xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực có chủ ý, nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của bản thân.

[4] Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại địa bàn vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh kinh tế xã hội rất khó khăn, nhận thức về xã hội và pháp luật có phần hạn chế; có bố đẻ là ông Vi Văn Th (tên gọi khác là Vi Trường S) có công và đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế vẻ vang tại Cam Pu Chia được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51 BLHS để vận dụng xử phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời cũng để làm bài học răn đe, phòng ngừa, cảnh tỉnh chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Khoản 5 điều 250 BLHS quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng....hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy bản thân bị cáo và gia đình thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng thi hành án. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ từ Vi Thị M 02 gói ma túy (Heroin) và có tổng khối lượng là 18,92 gram (mười tám phẩy chín mươi hai) gram. Đã trích 0,60 gram giám định; còn lại 18,32 gram. Số Heroin còn lại này cần căn cứ quy định điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy.

Bị cáo được hứa được trả 3.000.000^{đ} (ba triệu đồng) tiền công. Tuy nhiên do chưa được nhận nên không xem xét, xử lý.

[7] Tại phiên toà bị cáo xin miễn án phí; đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cũng đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Xét thấy, bản thân bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa có điều kiện khó khăn, có đơn xin miễn án phí phù hợp quy định tại điều 14 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó được chấp nhận để xem xét miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 2 điều 250; điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS. Xử phạt Vi Thị M 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2020 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu, tiêu hủy 18,32 gram Heroin đã thu của Vi Thị M cùng vỏ bao niêm phong. Có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng được lập vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 22/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện QC, tỉnh NA.

Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ Luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng

Nơi nhận:

- *Công an huyện QC;*
- *VKSND huyện QC;*
- *Bộ phận HSNV Công an huyện QC;*
- *Phòng KTNV&THAHS - TAND tỉnh NA;*
- *Chi cục THADS huyện QC;*
- *Sở Tư pháp tỉnh NA;*
- *Trại tạm giam Công an NA;*
- *Bị cáo;Người bào chữa cho bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân

dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)